

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Y  
TỈNH P

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 08/2024/HNGĐ- ST  
Ngày 01 tháng 03 năm 2024  
“V/v Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH P

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Bình Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Khảm

2. Ông Trần Văn Học

**- Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Mai - Thư ký Toà án nhân dân huyện Y.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên toà:** Bà Vũ Thị Xuân – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh P, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 211/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1964; địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn Đ, huyện B, tỉnh V, (Có mặt).

**2. Bị đơn:** Bà Quách Thị T, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn Yên N, xã Y, huyện Y, tỉnh V, (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn xin ly hôn ngày 21/6/2023 cùng các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông kết hôn với bà Quách Thị T ngày 04/8/1996. Trước khi cưới có tìm hiểu, tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y. Giấy chứng nhận kết hôn đã bị mất nay không còn giữ được nữa. Ngày đến trụ sở UBND xã Y đăng ký kết hôn không có vợ chồng ai chỉ có mỗi đôi vợ chồng ông. Khi làm đơn ly hôn ông có đến UBND xã Y đề nghị UBND xã cấp cho vợ chồng ông Trích lục đăng ký kết hôn nhưng UBND xã không cấp cho vợ chồng ông với lý do Sổ lưu đăng ký kết hôn năm 1996 của UBND xã Y bị mất nay không còn nữa. Sau ngày cưới ông về ở rể tại gia đình nhà bà T, được 03 năm sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống và về chỗ ở, ông bảo bà T về quê ông ở thị trấn Đ sinh sống nhưng bà T không đồng ý. Đến

tháng 3/1999 ông bỏ về quê nhà ông vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị cho ông ly hôn với bà T.

*Bị đơn bà Quách Thị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 18/12/2023 bà trình bày:*

Bà xác nhận điều kiện kết hôn và quá trình chung sống như ông T trình bày là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do anh ông T lười, không chịu khó làm ăn dẫn đến vợ chồng cãi nhau sau đó ông T bỏ về quê nhà ông T sinh sống từ năm 1999 đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn xin được ly hôn ông T.

Về con chung: Ông T, bà T xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 28/9/1997 hiện cháu đã trên 18 tuổi. Ly hôn ông T, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, đất canh tác: Ông T, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qua xác minh UBND xã Y cho biết ông Nguyễn Văn T và bà Quách Thị T chung sống như vợ chồng từ năm 1996 đến nay. Sổ lưu đăng ký kết hôn năm 1996 UBND xã không còn lưu nên không có căn cứ xác định ông T, bà T có đăng ký kết hôn tại UBND xã. Quan điểm địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y trình bày quan điểm như sau:

Về tố tụng: Tòa án đã chấp hành đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của tố tụng dân sự; Bị đơn chưa chấp hành quy định của tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T: Không công nhận ông Nguyễn Văn T và bà Quách Thị T là vợ chồng; về con chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Quách Thị T xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 28/9/1997 hiện cháu đã trên 18 tuổi. Ly hôn ông T, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, đất canh tác: Ông Nguyễn Văn T và bà Quách Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; về án phí, ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông T nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn bà T. Bị đơn bà T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn Y, xã Y, huyện Y. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y theo quy định tại các Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Quách Thị T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Thân theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Quách Thị T chung sống vào năm 1996, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Ông bà chung sống đến năm 1999 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dẫn đến việc ông bà thường xuyên cãi nhau và đã ly thân từ năm 1999 đến nay. Xét thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T yêu cầu ly hôn với bà T và bà T cũng thống nhất ly hôn. Ngoài lời khai ông T, bà T không xuất trình được Giấy đăng ký kết hôn cũng như chứng cứ chứng minh việc đăng ký kết hôn tại UBND xã Y. Phía UBND xã Y không còn lưu sổ đăng ký kết hôn năm 1986 nên không có căn cứ pháp lý xác định ông bà được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do vậy Hội đồng xét xử cần ghi nhận việc thống nhất ly hôn, căn cứ vào các Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để xét xử theo hướng không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn T và bà Quách Thị T.

[3] Về con chung: Ông T và bà T có 01 con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 28/9/1997 hiện con chung đã trên 18 tuổi ông bà không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, đất canh tác: Ông T và bà T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Văn T và bà Quách Thị T

là vợ chồng.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003020 ngày 23/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y. Ông T đã nộp đủ tiền án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Các đương sự;
- UBND xã Y;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Bình Thuận**